

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản sán số: 16 /2023/HN&GD

Ngày 26-7-2023

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Bà Bùi Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HN&GD ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1979.

Nơi ĐKKHKT: Thôn AT, xã NC, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn AX, xã QT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1978.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn AT, xã NC, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chị N có đơn xin xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn xin xử vắng mặt nhưng theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện tìm hiểu, hai bên có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, chị N khai có đăng ký kết hôn năm 1997. Sau đó đăng ký kết hôn lại tại UBND xã NC, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/9/2016. Sau ngày đăng ký kết hôn chị N về sống chung cùng gia đình nhà chồng tại AT, xã NC. Đến năm 2003 vợ chồng vào tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống và đến 2010 vợ chồng về quê sinh sống tại gia đình nhà chồng, vợ chồng có xây nhà 02 tầng trên đất của bố mẹ chồng và sống riêng

cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Khoảng năm 2020 bố đẻ chị N tên Lê Khả T ốm phải nằm Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương điều trị bệnh, chị N có trách nhiệm chăm sóc bố đẻ nhưng anh H không tạo điều kiện dẫn đến vợ chồng xô xát, anh H có đánh chị nên chị có làm đơn xin ly hôn anh H nhưng vì gia đình mẹ đẻ chị có khuyên và vì thương các con nên chị chưa nộp đơn đến Tòa án. Chị đã cho anh H có thời gian thay đổi sửa chữa tính cách và có nhờ bố chồng tên Nguyễn QH khuyên bảo anh H nhưng bố chồng có bảo: “Chuyện vợ chồng đừng mang ra đây kể hai bên không ở được thì bỏ”. Bản thân chị hết hy vọng khi chị có làm việc gì anh H hay chửi chị vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt tối ngày 13/01 Âm lịch năm 2023 chị có bảo gia đình chị gồm mẹ đẻ, cô chú ruột và chú rể chị, và gia đình anh H có bố anh H (ông QH), anh H và con trai lớn anh chị cháu Hh, gặp nhau trao đổi về mâu thuẫn vợ chồng do không hòa giải được ngay lúc đó chị dọn đồ đạc tư trang bỏ về mẹ đẻ chị ở AX, xã QT, Nam Sách ở từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh H không tìm gặp đón chị chỉ có gọi điện cho chị nhưng chị không nghe máy và không gặp anh H. Gia đình hai bên không hòa giải thêm gì cho vợ chồng. Từ khi vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quốc H có hai con chung Nguyễn Quốc Hh, sinh ngày 18/5/1999 và Nguyễn Quốc Hi, sinh ngày 09/8/2001. Hiện nay con Hh, con Hi đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức: Vợ chồng tự giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt hai lần không có lý do, anh H đã nhận được tài liệu của Tòa án. Tòa lấy lời khai của anh H, anh H trình bày được thể hiện tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/6/2023 nội dung sau:*

Anh và chị Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán anh H khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương vào năm 1997. Sau đó đăng ký kết hôn lại vào ngày 05/9/2016 tại UBND xã NC. Sau ngày tổ chức cưới chị N về sống cùng gia đình anh tại AT, NC. Đến năm 2003 vợ chồng vào tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống và đến 2010 vợ chồng về quê sinh sống tại gia đình nhà anh, vợ chồng có xây nhà 02 tầng trên đất của bố mẹ anh và sống riêng cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng từ năm 1997 đến tháng 10/2022 do con trai Nguyễn Quốc Hh bị tai nạn giao thông dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nhỏ về kinh tế và đến ngày 13/01 âm lịch năm 2023 vợ chồng có mâu thuẫn gia đình chị N có đến gia đình anh nói chuyện và chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở QT ở từ đó cho đến nay.

Từ khi sống ly thân hai bên gia đình không hòa giải cho vợ chồng, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Anh không tìm gặp đón chị, anh chỉ gọi điện thoại nhưng chị không nghe máy. Bản thân anh trình bày anh vẫn cho chị N cơ hội trở về đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị N cương quyết xin ly hôn anh, chị N tự giải quyết một vé anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung Nguyễn Quốc Hh, sinh ngày 18/5/1999 và Nguyễn Quốc Hi, sinh ngày 09/8/2001. Hiện nay con Hh, con Hi đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của chị N và anh H, được thể hiện: Anh H và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Nam Sách và có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Sau khi kết hôn chị N sinh sống tại gia đình anh H tại thôn AT, xã NC. Chị N đi làm công nhân, anh H làm nghề tự do. Do mâu thuẫn nay chị N không sống cùng anh H mà đã về nhà mẹ đẻ ở QT ở từ đầu năm 2023 cho đến nay. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, không ai báo cáo chính quyền địa phương, không đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn nên địa phương không nắm bắt được. Việc giải quyết ly hôn của anh chị, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn QH- bố đẻ anh H:

Ông QH trình bày: Anh H, chị N được tự do tìm hiểu, hai bên có tổ chức cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn năm 1997 sau đó đăng ký kết hôn lại năm 2016 tại UBND xã NC. Sau ngày đăng ký kết hôn chị N về sống cùng gia đình ông đến năm 2003 vợ chồng vào tỉnh Bình Dương sinh sống đến năm 2010 vợ chồng về gia đình ông và xây nhà trên đất của ông sinh sống đến năm 2023. Ông không sống chung cùng anh chị mà ông sống ở đất ao chuyển đổi nhưng ông vẫn đi lại nhà anh chị. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian dài. Sau đó xảy ra mâu thuẫn xô xát cãi nhau ông không chứng kiến nhưng ông được biết vợ chồng cãi nhau mâu thuẫn về kinh tế. Đến ngày 13/01 âm lịch năm 2023 khi vợ chồng mâu thuẫn có gia đình chị N mẹ đẻ (bà T), cô chú ruột chị N đến gia đình ông nói chuyện hòa giải cho vợ chồng nhưng chị N không nhất trí và ngay sau đó chị N dọn đồ đạc cá nhân bỏ về cùng mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Bản thân ông và gia đình ông không tìm gặp đón chị N. Nay chị N xin ly hôn anh H anh chị có mâu thuẫn nhỏ về kinh tế còn việc tình cảm do anh chị quyết định, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tòa án lấy lời khai của bà Trần Thị T- là mẹ đẻ chị N:

Bà T trình bày: Chị N và anh H có tự nguyện tự do tìm hiểu và hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Nam Sách vào năm 1997 (đăng ký kết hôn lại năm 2016). Sau ngày tổ chức cưới chị N về sống chung cùng gia đình bố mẹ đẻ anh H. Đến năm 2003 vợ

chồng vào tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống và đến 2010 vợ chồng về quê sinh sống tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống chị N, anh H hòa thuận thời gian khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau đã có lần chị N làm đơn xin ly hôn anh H vì lý do chị N phải chăm sóc bố bị ốm nặng nằm điều trị bệnh viện không được anh H ủng hộ bà biết đã khuyên bảo chị N nên chị N chưa nộp đơn đến Tòa án. Vào khoảng 19 giờ ngày 13 tháng 01 âm lịch năm 2023 thì chị N có gọi điện cho bà bảo: “Mẹ đến nhà con giải quyết việc gia đình con mâu thuẫn” do sợ vợ chồng đánh cãi nhau bà đã cùng người thân bên chồng bà (là cô chú ruột và chú rể chị N) đến nhà anh H, chị N để hòa giải cho vợ chồng. Khi mọi người đến nhà anh chị đã có ông QH (là bố đẻ anh H), anh H, con chị N, anh H là cháu Hh cũng có mặt. Hai bên hòa giải cho anh chị vẫn không có kết quả và chị N xin phép ông QH và các cô chú của chị N để cho chị N về nhà bà ở vì chị N bảo:” Con không thể ở đây được” và ông QH có nói “Nếu bước chân đi không được quay về”. Sau đó chị N đã dọn đồ đạc tư trang và cùng mọi người về nhà bà ở ngay buổi tối hôm đó. Từ khi chị N sống ly thân về nhà bà ở gia đình ông QH, anh H không đến tìm gặp đón chị N. Khoảng tháng 02 nhuận âm lịch năm 2023 anh H mới gọi điện cho bà xin lỗi và bảo bà động viên chị N về sống cùng anh nhưng chị N bảo” Con không thể về sống chung cùng anh H được nếu về sống chung con không còn tinh thần để sống nữa” do vậy chị N không về sống chung cùng anh H và vợ chồng vẫn sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình thông gia không có mâu thuẫn gì. Nay vợ chồng chị N, anh H có mâu thuẫn, chị N làm đơn xin ly hôn anh H việc tình cảm do anh chị quyết định. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Anh Nguyễn Quốc H vắng mặt tại phiên tòa, anh H đã nhận được tài liệu của Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập. Tòa án niêm yết quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nhưng anh H vẫn vắng mặt hai lần tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nghị án đã thực hiện đúng trình tự quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, xử cho chị Lê Thị N ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Quốc H là bị đơn, vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H.

[2] Về thẩm quyền: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H. Anh H hiện ĐKKHKT và cư trú tại thôn AT, xã NC, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do vậy thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Quốc H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đã đăng ký kết hôn lại tại UBND xã NC, huyện Nam Sách vào ngày 05 tháng 9 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào ngày 13/01 Âm lịch năm 2023 hai bên gia đình có gặp gỡ tại nhà anh H, chị N và hòa giải cho vợ chồng nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ. Chị đã tự dọn đồ đạc, tư trang cùng mẹ đẻ và người thân bỏ về Xã QT ở cùng mẹ đẻ chị N cho đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng anh chị chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế không ai quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình đều trình bày vợ chồng có mâu thuẫn. Bản thân anh H mong muốn Tòa án giải quyết vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp khắc phục tình cảm tìm đón chị N. HĐXX xét thấy những nội dung nêu ở trên thể hiện tình cảm vợ chồng chị N, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Hoan đề nghị được đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp khắc phục để vợ chồng về đoàn tụ nên không có căn cứ chấp nhận. HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn anh H. Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Quốc Hh, sinh ngày 18/5/1999 và Nguyễn Quốc Hi ngày 09/8/2001. Hiện nay con Hh, con Hi đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: chị Lê Thị N và anh Nguyễn Quốc H có hai con chung Nguyễn Quốc Hh, sinh ngày 18/5/1999 và Nguyễn Quốc Hi, sinh ngày 09/8/2001. Hiện nay con Hh, con Hi đã trưởng thành anh Hn, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, công sức Chị N, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, theo biên lai số AA/2021/0004086 ngày 25 tháng 5 năm 2023. Chị Lê Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Nam Chính , huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án,
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương